

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục
và đào tạo đến năm 2030 trên địa bàn một số xã**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều thi hành của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính và Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (cũ) về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 tỉnh Đắk Nông (cũ) cho các huyện, thành phố Gia Nghĩa và Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (cũ) về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 12/5/2022;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (cũ) phê duyệt quy hoạch sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất: huyện Đắk Mil tại Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 09/12/2022; huyện Tuy Đức tại Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 28/8/2025; huyện Đắk Song tại Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 và huyện Cư Jút tại Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 30/6/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 166/TTr-SNNMT ngày 15/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đến năm 2030 trên địa bàn một số xã thuộc tỉnh Lâm Đồng (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu Phú Quý; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, PCT UBND tỉnh (đ/c Yên);
- PCVP UBND tỉnh (đ/c Duệ);
- Lưu: VT, NNMT_(Hn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên



Phụ lục: Điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đến năm 2030 cho một số xã trên địa bàn tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 26 /9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Xã trước sắp xếp	Xã sau sắp xếp	Hiện trạng 2024	Chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đến năm 2030			Ghi chú
				trước điều chỉnh	sau điều chỉnh		
I	Huyện Tuy Đức (cũ)						
1	xã Quảng Trục	xã Quảng Trục	5,00	6,59	6,59	11,59	tăng 5 ha (xã biên giới)
2	Xã Đắc Búk So	xã Tuy Đức	12,59	16,82	26,93	26,93	(xã biên giới)
3	Xã Đắc R'Tíh		4,03	5,03			
4	Xã Quảng Tâm		4,08	5,08			
5	Xã Quảng Tân	xã Quảng Tân	8,44	13,02	29,12	24,12	giảm 5 ha
6	Xã Đắc Ngo		8,59	16,1			
II	Huyện Đắc Song (cũ)						
1	TT Đức An	xã Đức An	7,8	10,27	24,24	21,47	giảm 2,77 ha
2	xã Nam Bình		5,47	5,47			
3	xã Đắc N'Drung		8,2	8,5			
4	xã Thuận Hà	xã Thuận Hạnh	4,02	4,02	11,54	17,25	tăng 5,71 ha (xã biên giới)
5	xã Thuận Hạnh		7,52	7,52			
6	xã Nậm N'Jang	xã Trường Xuân	4,78	4,61	12,15	9,21	giảm 2,94 ha
7	xã Trường Xuân		4,43	7,54			
8	xã Đắc Mól	xã Đắc Song	3,68	3,76	6,08	6,08	
9	xã Đắc Hòa		2,43	2,32			
III	Huyện Đắc Mil (cũ)						
1	TT. Đắc Mil	xã Đức Lập	11,21	11,42	22,13	22,13	
2	xã Đức Mạnh		5,52	5,52			
3	xã Đức Minh		5,19	5,19			
4	xã Đắc Gắn	xã Đắc Mil	3,5	3,45	16,62	16,62	
5	xã Đắc N'Drót		5,71	5,71			
6	xã Đắc R'la		7,46	7,46			
7	xã Thuận An	xã Thuận An	7,39	8,65	12,6	14,6	tăng 2 ha (xã biên giới)
8	xã Đắc Lao		1,08	3,95			
9	xã Đắc Sắk	xã Đắc Sắk	10,01	10,01	18,82	16,82	giảm 2 ha
10	xã Long Sơn		1,81	3,81			
11	xã Nam Xuân - huyện Krông Nô		5,00	5,00			
IV	Huyện Cư Jút (cũ)						
1	TT Ea T'ling	xã Cư Jút	5,75	5,75	31,97	26,97	giảm 5 ha
2	xã Tâm Thắng		15,81	20,06			
3	xã Trúc Sơn		1,1	1,1			
4	xã Cư Knia		3,76	5,06			
5	xã Đắc Wil	xã Đắc Wil	5,48	5,32	9,45	15,55	tăng 6,1 ha (xã biên giới)
6	xã Ea Pô		4,25	4,13			
7	xã Nam Dong	xã Nam Dong	6,81	8,14	19,58	18,48	giảm 1,1 ha
8	xã Đắc Drông		10,75	11,44			